

ĐÔI ĐIỀU NHẬN XÉT VỀ CHỮ NÔM TRÊN VĂN BIA NÔM

Nguyễn Thị Hương

(Ths. Viện Nghiên cứu Hán Nôm)

Chữ Nôm là loại hình văn tự chưa được điển chế, có tính chất ghi âm phức tạp, đồng thời lại có tính lịch đại. Vì vậy, việc nghiên cứu chữ Nôm đặt ra nhiều vấn đề cần phải xem xét như: vấn đề xác định thời điểm ra đời của chữ Nôm, phân loại chữ Nôm, xác định lịch sử diễn biến của chữ Nôm và các mô hình ngữ âm của nó, vấn đề lịch sử cách ghi từng từ cụ thể v.v... Sự phức tạp này phần nhiều là do nguồn tư liệu không đầy đủ và đồng bộ, nhiều tư liệu hiện còn không đảm bảo tính chân thực, tính thời đại.

Trong tình hình như vậy thì nguồn tư liệu chữ Nôm trên văn bia đã từ lâu được nhận định là những chứng tích văn tự có giá trị¹. Bởi lẽ văn bia là loại hình văn bản ít bị các yếu tố bên ngoài gây nhiễu về độ chân thực hơn các loại hình văn bản khác. Tư liệu chữ Nôm trên văn bia, trong đó có văn bia chữ Nôm, có thể bổ sung cho một vài thiếu sót của tư liệu chữ Nôm trên các chất liệu khác, đặc biệt là sách chép tay. Vì vậy, cũng trong công trình nghiên cứu của mình trong vài năm gần đây, chúng tôi đã đặc biệt chú ý đến việc tìm hiểu chữ Nôm qua mảng tư liệu văn bia Nôm, tức những tư liệu được thể hiện bằng chữ Nôm dưới dạng một văn bản hoàn chỉnh². Qua khảo sát cụ thể các trường hợp xuất hiện trong mảng tư liệu trên, tôi có một số nhận xét nhỏ về chữ Nôm trên văn bia Nôm, xin được trình bày dưới đây.

Nhìn chung, tư liệu chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm mà chúng tôi thu thập được trải từ thế kỷ XV đến thế kỷ XX. Trong đó, chủ yếu là các chữ Nôm của thế kỷ XVII, XVIII và XX. Do vậy, tư liệu chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm có đặc điểm rất đa dạng. Nó vừa bảo lưu những đặc điểm chung của chữ Nôm, lại vừa mang trong mình những đặc trưng riêng của từng thời đại.

¹ Đào Duy Anh: *Chữ Nôm nguồn gốc cấu tạo và diễn biến*, Nxb. KHXH, H.1975.

² Tại Hội nghị Quốc tế về Chữ Nôm tổ chức ở Huế năm 2006, tôi đã có một bài viết giới thiệu khái quát về số tư liệu này. Xin xem: http://nomfoundation.org/Conf2006/NTHuong_vanbianom.pdf

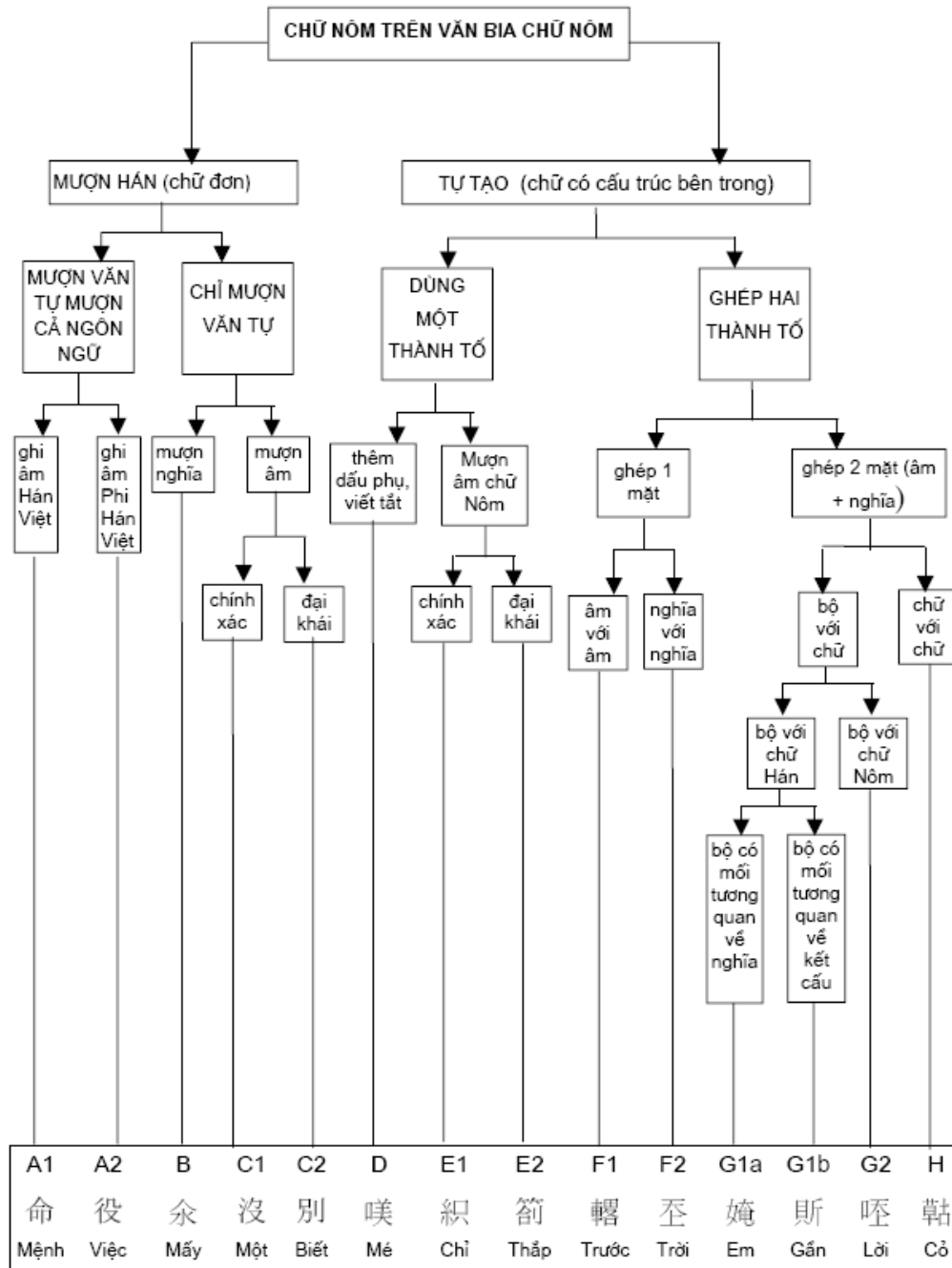
1. Chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm có tính ổn định về mặt tự dạng hơn chữ Nôm trên các văn bản chép tay.

Dù mang đậm tính chất dân gian thì chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm vẫn được biên soạn bởi những người có học thức cao trong xã hội, có khi là của vua chúa, quan lại v.v... Vì vậy, ở một chừng mực nào đó, nó mang tính mô phạm nhiều hơn những văn bản chép tay. Đặc điểm này sẽ được thấy rõ khi chúng ta so sánh số cách đọc của một chữ Nôm và cách viết của một từ Nôm trên văn bia chữ Nôm với một số văn bản Nôm được viết hoặc in trên giấy.

Một đặc điểm thường thấy ở chữ Nôm là một chữ Nôm có nhiều cách đọc cách viết. Cùng một chữ chúng ta có thể đọc theo nhiều âm khác nhau. Cùng một từ chúng ta có thể viết lại bằng nhiều chữ khác nhau. Tuy nhiên, trong văn bản của văn bia chữ Nôm, tình hình trên có khác.

Xét trong toàn thể các loại cấu trúc của chữ Nôm theo cách phân loại của chúng tôi³ thì loại chữ vay mượn, mượn văn tự mượn cả ngôn ngữ ghi tiếng Hán Việt, là loại duy nhất đảm bảo tương đối rằng âm đọc của nó chỉ do một mã chữ duy nhất thể hiện. 13 tiểu loại còn lại thì đa phần một từ đều có ít nhất là hai mã chữ. Vì vậy, ở đây, chúng tôi chỉ xét các chữ Nôm ở 13 tiểu loại

³ Dưới đây là bảng phân loại của chúng tôi:



này. Chúng tôi đã tiến hành làm phiếu và khảo sát những chữ Nôm tiêu biểu ở 73/104 bia, đó là 73 văn bia hiện đã có ký hiệu phục vụ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm⁴. Sau khi khảo sát trên 73 văn bia nói trên, chúng tôi thu được những kết quả sau:

Tổng số từ được khảo sát là: 237 từ.

Những từ chỉ có một mã chữ thể hiện là: 97 từ.

Những từ có từ hai mã chữ thể hiện trở lên là: 140 từ.

Để có hình dung cụ thể về tình hình chữ Nôm có nhiều cách đọc cách viết, chúng tôi lập bảng thống kê sau:

Bảng 1. Số cách ghi của các từ Nôm trong văn bia chữ Nôm

Số cách ghi	1	2	3	4	5	6
Số từ	97	85	33	19	2	1
Tỉ lệ %	40,93%	35,87%	13,92%	8,02%	0,84%	0,42%

Qua bảng trên, chúng tôi nhận thấy, xu thế số cách ghi giảm dần. Điều đó cho thấy, ở vào thời điểm xuất hiện và phát triển của văn bia chữ Nôm, chữ Nôm đã trở thành một mẫu tự tương đối ổn định, chủ yếu mỗi từ cũng chỉ dùng từ 1 đến 2 cách viết mà thôi. So sánh bảng thống kê trên với bảng thống kê của TS. Nguyễn Thị Lâm, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ một chữ có nhiều cách ghi ở văn bia chữ Nôm ít hơn và tương đối ổn định so với *Thiên nam ngữ lục*⁵.

Chữ Nôm cũng có hiện tượng một chữ có nhiều cách đọc. Tuy nhiên, do văn bia chữ Nôm có niên đại muộn là chủ yếu, nên các mã chữ đều đi theo xu hướng chính âm ở mức độ chính xác tối đa. Vì vậy, số âm đọc của một chữ ít dần và không có sự chênh lệch lớn giữa các chữ có 2 đến 3 cách đọc.

⁴ 31 bia còn lại chỉ có một bia có niên đại dự đoán là 1770, còn lại đều là bia có niên đại thế kỷ XX; qua khảo sát sơ bộ nhận thấy chữ viết trên bia này không có điểm đặc biệt nên chúng tôi không tiến hành khảo sát cụ thể.

⁵ Nguyễn Thị Lâm: *Nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt qua văn bản “Thiên Nam ngữ lục”*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Ngữ văn, H.2002.

2. Chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm còn bảo lưu được một số mã chữ Nôm cổ

Do tính chất kế thừa và ổn định của văn tự, chữ Nôm trong văn bia chữ Nôm vẫn còn bảo lưu được những lối viết cổ. Tuy nhiên, khi nói về chữ Nôm cổ, chúng ta phải xác định rõ khái niệm này.

Trước kia, từng có quan niệm chữ Nôm cổ là chữ Nôm khó, chữ Nôm cổ là chữ xuất hiện trước (và "cổ" ở đây được đo bằng một khái niệm thời gian tương đối). Tuy nhiên, tiêu chí này gặp phải một số mâu thuẫn: không phải chữ Nôm nào cũng thay đổi tự dạng qua thời gian, hơn nữa, nhiều mã chữ Nôm có niên đại rất cổ nhưng vẫn được sử dụng phổ biến như một mã chữ mới ở thế kỷ XX như các chữ: 碗 *oản* (1210), 園 *vuờn* (1342), 塘 *đường* (1210) v.v...⁶

Phần lớn sự thay đổi về tự dạng của chữ Nôm là do những thay đổi về mặt ngữ âm. Nhưng không phải khi ngữ âm thay đổi thì tất cả chữ Nôm nằm trong khu vực biến đổi này đều thay đổi tự dạng, vẫn có những hình thức cũ song song tồn tại cho đến ngày nay. Điều đó đã gây ra những trường hợp khó lí giải về cách đọc. Do vậy, GS.TS. Nguyễn Ngọc San đã khẳng định: "Khái niệm về chữ Nôm cổ phải căn cứ vào cốt ngữ âm cổ làm lõi cho tự dạng ấy"⁷. Việc "xác định các mã chữ Nôm cổ không nên chỉ dựa vào tự dạng mà phải xét đến mối quan hệ tay ba hình - âm - nghĩa trong đó lấy phần ngữ âm làm chính"⁸.

Theo quan niệm như vậy, ở đây chúng tôi sẽ xét tính chất cổ của chữ Nôm qua âm đọc tiếng Việt cổ và âm Hán Việt cổ trong kết cấu chữ Nôm. Những chữ Nôm còn lưu lại dấu vết ngữ âm của tiếng Việt cổ và âm Hán Việt cổ chính là những chữ Nôm có nguồn gốc ra đời sớm, mặc dù cứ liệu mà hiện nay chúng ta có được lại ở những niên đại muộn. Ở đây, chúng tôi chỉ khảo sát phần phụ âm và phần vần.

Trong 4 bảng dưới đây, những chữ Nôm nào có tự dạng tương đồng với tự dạng của chữ Hán ghi âm chúng tôi xin không đánh lại ở cột chữ Hán ghi âm; cột niên đại chính là niên đại sớm nhất của chữ Nôm đó trong tư liệu văn bia chữ Nôm của chúng tôi; bên cạnh cột niên đại chúng tôi có so sánh với niên đại

⁶ Nguyễn Tài Cẩn: *Một số vấn đề về chữ Nôm*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1985, tr.259-283.

⁷ Nguyễn Ngọc San: *Lý thuyết chữ Nôm văn Nôm*, Nxb. Đại học Sư phạm, H. 2003, tr.327.

⁸ Nguyễn Ngọc San: *Lý thuyết chữ Nôm văn Nôm*, Nxb. Đại học Sư phạm, H. 2003, tr.340.

của một số chữ trong bảng *Một số chữ Nôm cổ đã gặp trong các văn bản có niên đại chính xác (từ thế kỷ XII đến thế kỷ XVII)* của GS. Nguyễn Tài Căn⁹, dưới đây chúng tôi gọi tắt là NTC.

⁹ Nguyễn Tài Căn: *Một số vấn đề về chữ Nôm*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1985, tr.252-283.

Bảng 2. Những hiện tượng chữ Nôm ghi âm đầu tiếng Việt cổ

	Hiện tượng	Âm Việt hiện đại	Chữ Nôm	Chữ Hán ghi âm	Niên đại	NTC
Âm môi	Dùng b ghi v	Với	貝	Bối	1780	1693
	Dùng m ghi l	Liễn	勉	Miễn	1740	
	Dùng ph ghi v	Vậy	丕	Phi	1657	1670
Âm đầu lưỡi	Dùng th ghi x	Xin	吁	Thiên 千	1916	
	Dùng đ ghi gi, d	Giỗ	杜 ^c	Đỗ 杜	1928	
		Dậm	淡	Đạm	1767	
	Dùng t ghi r, ch	Rẻ	婿	Tẻ	1923	
		Chon	樽	Tôn 尊	1914	
	Dùng s ghi th, r	Thầy	柴	Sài	1905	1656
Ráy		篩	Sư	1718		
Gốc lưỡi	Dùng k, c, q ghi g	Gân	筋	Cân	1730	
		Gương	羶	Khương 姜	1730	1670
Thanh hầu	Dùng h ghi âm v	Vôi	碓	Hôi 灰	1914	
Một số tổ hợp phụ âm đầu	Dùng kl ghi tr	Trước	輶	Cư 車 + lược 略 = klước	1657	1645
	Dùng [kb] ghi v	Vón	𠵹	Cự 巨 + Bản 本 = kbón	1732	
	Dùng [ʔg] ⁵ ghi gh	Ghi	簞	Đa 多 + ki 箕 = ʔghi	1731	
	Dùng [ml] ghi l	Lời	例	Ma 麻 + lệ 例 = mlời	1657	1670
	Dùng [kl] ghi s	Sau	輶	Cư 車 + lâu 婁 = krau	1657	1656

Bảng 3. Chữ Nôm ghi âm đầu Hán cổ

Hiện tượng	Âm Việt hiện đại	Chữ Nôm	Chữ Hán ghi âm	Niên đại	NTC
Dùng v ghi m	Mùa	務	Vụ	1925	1676

Bảng 4. Chữ Nôm ghi vần Việt cổ

Hiện tượng thể hiện ở âm chính	Âm Việt hiện đại	Chữ Nôm	Chữ Hán ghi âm	Niên đại	NTC
Dùng -i- ghi -oi-	Với	𠵼	Vĩ 尾	1935	
Dùng -i- ghi -ây-	Bây	悲	Bi	1916	
Dùng -i- ghi -ư-	Mùng	明	Mình 明	1698	1670
Dùng -iê- ghi -â-	Câu	橋	Kiều	1718	1651
Dùng -ư- ghi -â-	Bạc	埴	Bức	1916	
Dùng -ư- ghi -ơ-	Nữ	女	Nữ	1780	
Dùng -a- ghi -trơ-	Tươi	洒	Sái	1924	
Dùng -a- ghi -ây-	Cây	𦵏	Cai 荜	1696	1620
Dùng -a- ghi -ô-	Vón	𦵏	Bản 本	1732	
Dùng -â- ghi -ô-	Ruột	𦵏	Duật 聿	1928	
Dùng -u- ghi -âu-	Câu	句	Cú	1780	
Dùng -u- ghi -ô-	Lông	籠	Lung	1924	

Bảng 5. Chữ Nôm ghi vần Hán cổ

Hiện tượng	Âm Việt hiện đại	Chữ Nôm	Chữ Hán ghi âm	Niên đại	NTC
Dùng â ghi i	Tim	尋	Tâm	1923	
Dùng i ghi ia	Bia	碑	Bi	1718	
Dùng ư ghi ia	Tía	紫	Tử	1923	
Dùng ân ghi in	In	印	Ấn	1718	
Dùng áp ghi ip	Kíp	及	Cập	1942	
Dùng a ghi e	Xe	車	Xa	1740	1920
Dùng at ghi et	Xét	察	Sát	1927	
Dùng ư ghi ưa	Tựa	似	Tự	1718	
Dùng ơ ghi ưa	Thừa	所	Sở	1939	
Dùng u ghi ua	Tua	須	Tu	Không rõ	
Dùng ung ghi uông	Chuông	鐘	Chung	Không rõ	
Dùng ap ghi ôp	Nộp	納	Nạp	1928	
Dùng am ghi om	Nom	瞞	Nam 南	1916	

Theo như chứng minh của GS. TS. Lê Văn Quán trong *Nghiên cứu về chữ Nôm*¹⁰ thì tất cả những trường hợp trên, sở dĩ không có sự tương ứng giữa chữ Hán ghi âm và tiếng Việt hiện đại là do những chữ Hán ghi âm này đã ghi âm đọc của âm Việt cổ và âm Hán Việt cổ. Điều đó cho thấy đây là những mã chữ tương đối cổ. Và những trường hợp liệt kê mang tính chất tiêu biểu trên đây thể hiện sự bảo lưu khá phong phú về tư liệu chữ Nôm cổ trong văn bia chữ Nôm.

Ngoài ra, qua phân tích những đặc điểm cấu tạo và diễn biến của chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm, chúng tôi còn thấy những chữ Nôm này thể hiện được tình hình phát triển cơ bản của chữ Nôm qua các thời kỳ khá chính xác.¹¹ Những mẫu chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm tương đối ổn định đã tạo nên tính chuẩn mực khi chúng ta đối sánh với các thư tịch cổ. Việc nghiên cứu cụ thể đặc điểm của chữ Nôm trên bia đá cho ta cái nhìn toàn diện hơn về tình hình phát triển chung của chữ Nôm cũng như những dị biệt của nó ở các loại hình văn bản khác nhau. Qua phân tích, có thể thấy, chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm xuất hiện tương đối đầy đủ về các kiểu cấu tạo thường thấy trong cấu trúc chữ Nôm. Cứ liệu chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm còn cho chúng ta thấy rõ tình hình phát triển của chữ Nôm về mặt cấu tạo và tự dạng. Bên cạnh đó, chữ Nôm trên văn bia chữ Nôm phần lớn có niên đại muộn. Vì vậy, những kết quả nghiên cứu còn cho thấy phần nào đặc điểm của chữ Nôm ở vào thời kỳ tồn tại cuối cùng của nó.

Tuy nhiên, do một số điểm yếu về mặt tư liệu như khối lượng chữ và tính liên mạch về mặt niên đại của các tư liệu hiện tồn, những nghiên cứu của chúng tôi về chữ Nôm trên văn bia Nôm cũng không tránh khỏi rất nhiều bất cập, cần phải tìm ra các hướng bổ sung về sau.

¹⁰ Lê Văn Quán: *Nghiên cứu về chữ Nôm*, Nxb. KHXH, H. 1981, tr.100-124.

¹¹ Cụ thể về vấn đề cấu tạo và diễn biến, chúng tôi sẽ trình bày ở một dịp sau.